

Bản án số:115/2017/HSST

Ngày: 21-12-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L -TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Hậu

Chuyên viên phòng giáo dục thành phố L

2. Ông Trần Hùng Bích

Cán bộ hưu trí phường M – thành phố L

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2017, tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 120/2017/HSST ngày 24/11/2017 đối với bị cáo:

Trần Phước L (Thịnh), sinh ngày 21/5/1999 tại tỉnh Vĩnh Long. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 101/2, đường 8/3, khóm A, phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; tạm trú: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: kinh; con ông Trần Quan D và bà Võ Kim Ngọc P; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự: không; tiền án: không; bị bắt tạm giam ngày 29/9/2017 đến nay và bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

1. Anh Lưu Nhật T, sinh năm 1990. Nơi cư trú: ấp A, xã N, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

2. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1998. Nơi cư trú: ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1995. Nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

2. Anh Lê Trọng N, sinh năm 1992. Nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

3. Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1965: Nơi cư trú: số 242, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

4. Ông Trần Quan D, sinh năm 1958. Nơi cư trú: số 101/2, đường 8/3, khóm A, phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

5. Bà Võ Kim Ngọc P, sinh năm 1970. Nơi cư trú: số 2/9, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Phước L và Lưu Nhật T quen biết nhau qua mạng xã hội Zalo. Khoảng 22 giờ ngày 13/3/2017, L đến nhà trọ T thuộc phường M, thành phố L nơi anh T và anh Nguyễn Văn N đang ở trọ để xin ngủ nhờ thì được anh T đồng ý. Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 14/3/2017, trong lúc anh T, N đang ngủ, L lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F1S, 01 máy tính xách tay hiệu Asus HDD 500Gb, 01 cục sạc máy tính, 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Rado, 01 bóp da bên trong có số tiền 3.350.000đ; 03 thẻ ATM của ngân hàng Đông Á, ngân hàng Á Châu, ngân hàng ngoại thương Việt Nam, một số giấy tờ cá nhân của anh Tân và 01 điện thoại di động hiệu Lenovo A536 của anh N, tất cả tài sản được L để vào ba lô màu đen rồi leo rào ra bên ngoài nhà trọ. Sau đó, L đem ba lô đến nhà anh Đỗ Văn T tại ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, L cho T 1.000.000đ; 01 điện thoại di động Oppo F1S, 01 đồng hồ đeo tay Rado và nhờ T đem máy tính cầm cổ cho anh Lê Trọng Ng được 1.500.000đ. Ngày 21/4/2017, L đem điện thoại Lenovo A536 cầm cho bà Đỗ Thị M được 200.000đ, còn các giấy tờ cá nhân của T cùng ví da, thẻ ATM thì L cho người tên C không rõ họ, địa chỉ. Đến ngày 15/5/2017, L đến Công an phường M đầu thú.

Khoảng tháng 7/2017, bà Võ Kim Ngọc P (mẹ đẻ của L) đến gặp bà M chuộc lại điện thoại Lenovo A536 và trả lại cho anh Ng, còn các tài sản của anh T không thu hồi được.

Kết luận định giá tài sản số 7771/KL.HĐ ngày 19/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố L xác định:

- 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo F1S – 32Gb đã qua sử dụng, trị giá 5.690.500đ;

- 02 sim điện thoại di động trả trước (sim số Mobifone 0898315190, sim Vinafone số 0917070910) đang hoạt động, đã qua sử dụng, trị giá 240.000đ;

- 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Lenovo A536 – 8Gb đã qua sử dụng, trị giá 1.492.500đ;

- 02 sim điện thoại di động trả trước (sim số Mobifone 01224041813, sim Vinafone số 01294997929) đang hoạt động, đã qua sử dụng, trị giá 150.000đ;

- 01 máy tính xách tay, nhãn hiệu Asus, ram 2Gb, HDD 500Gb đã qua sử dụng, trị giá 3.184.500đ;

- 01 đồng hồ đeo tay, nhãn hiệu Rado, model vuông - dây nhựa đã qua sử dụng, trị giá 540.000đ;

- 01 cái bóp da nam màu đen không xác định được nhãn hiệu, model, kích thước, xuất xứ, nguồn gốc nên không có cơ sở xác định giá trị tài sản.

Tổng giá trị tài sản định giá là 11.297.500đ + 3.350.000đ tiền trong bóp da = 14.647.500đ (mười bốn triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Cáo trạng số: 120/VKS-HS ngày 24/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, truy tố Trần Phước L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 69; Điều 74 Bộ luật hình sự; Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Phước Lộc 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự:

- Người bị hại Lưu Nhật T yêu cầu bị cáo và cha mẹ bị cáo phải bồi thường số tiền 12.850.000đ, yêu cầu này là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo liên đới cùng ông Trần Quan D, bà Võ Kim Ngọc P (cha mẹ đẻ L phải có trách nhiệm liên đới bồi thường theo yêu cầu của người bị hại.

- Người bị hại Nguyễn Văn N đã nhận tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm về dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

- Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đỗ Văn T được bị cáo Lộc cho 1.000.000đ; 01 điện thoại Oppo F1S; 01 đồng hồ Rado nhưng anh T không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Bị cáo tự nguyện không yêu cầu anh T phải trả lại các tài sản này nên đề nghị Hội đồng xem xét.

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo L: 01 áo thun tay dài màu xanh; 01 quần tay bằng vải dài màu xám; 01 cái kính gọng đen; 02 chìa khóa là tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội.

* Bị hại Lưu Nhật T yêu cầu bị cáo và gia đình bị cáo phải bồi thường dân sự số tiền 12.850.000đ. Về trách nhiệm hình sự, anh T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Bị hại Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra, anh N đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm về dân sự.

* Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra khai nhận:

Anh Đỗ Văn T khai: anh T với Lộc có quan hệ là bạn. Sau tết nguyên đán năm 2017, bị cáo Lộc đến nhà của anh T, mang theo 01 ba lô màu đen và xin ngủ nhờ. Khoảng 03 ngày sau, L cho anh T 1.000.000đ, 01 điện thoại di động Oppo F1S, 01 đồng hồ hiệu Rado và nhờ anh T tìm nơi cầm máy tính xách tay hiệu Asus, anh T đem máy tính cầm cho anh Lê Trọng N được 1.500.000đ đưa cho L hết. Đối với số tiền 1.000.000đ anh T tiêu xài hết, 01 đồng hồ rado thì cho người bạn ở thành phố Hồ Chí Minh, còn điện thoại di động Oppo thì đã đập ném bỏ xuống sông. Khi bị cáo L cho anh T các tài sản trên, anh T không biết tài sản do L phạm tội mà có.

Anh Lê Trọng N khai: anh N có nhận cầm của anh T 01 máy tính xách tay hiệu Asus với giá 1.500.000đ, không ghi biên nhận và thỏa thuận 10 ngày chuộc lại. Sau đó, vợ chồng N cự cãi về việc cầm cố máy tính nên N tức giận đập máy tính ném bỏ ở khu vực gần nhà. Khi nhận cầm tài sản, N không biết tài sản do L phạm tội mà có.

Bà Đỗ Thị M khai: Bà M có cho L mượn 200.000đ và L đưa cho bà giữ 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng. Khoảng 03 tháng sau thì bà P (mẹ đẻ L) đến đưa cho bà 200.000đ và nhận lại điện thoại, bà không biết tài sản do L phạm tội mà có.

Ông Trần Quan D, bà Võ Kim Ngọc P khai: ông D, bà P có quan hệ là vợ chồng, L sinh ngày 21/5/1999 tại Vĩnh Long. Khi L lên 05 tuổi thì ông D, bà Th ly hôn, L sống với ông D, học đến lớp 5 thì nghỉ học sống lang thang, nghiện ma túy và thực hiện hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố.

Bị cáo Trần Phước L khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, về tội danh và hình phạt. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội vừa qua, yêu cầu được nhận lại các tài sản cá nhân do Công an thu giữ, bị cáo đồng ý cùng gia đình bồi thường theo yêu cầu của người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Người bị hại Nguyễn Văn N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Văn T, Lê Trọng N, Đỗ Thị M, Trần Quan D, Võ Kim Ngọc P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, bị hại N đã nhận lại được tài sản, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được cơ quan Công an đã tiến hành lấy lời khai, đối chất nên việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 191 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

Ngày 14/3/2017, Trần Phước L đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F1S, 01 máy tính xách tay hiệu Asus HDD 500Gb, 01 cục sạc máy tính, 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Rado, 01 bóp da bên trong có số tiền 3.350.000đ; 03 thẻ ATM của ngân hàng Đông Á, ngân hàng Á Châu, ngân hàng ngoại thương Việt Nam, một số giấy tờ cá nhân của anh Tân và 01 điện thoại di động hiệu Lenovo A536 của anh N và đem cầm cố, thế chấp lấy tiền tiêu xài, mua ma túy sử dụng. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và kết luận giám định số 7771/KL.HĐ ngày 19/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố L cùng các chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra vụ án.

Tiền, tài sản bị cáo L chiếm đoạt với tổng giá trị là 14.647.500đ. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L truy tố bị cáo theo điểm khoản 1 Điều

138 Bộ luật sự hình sự có khung hình phạt từ 06 tháng đến 03 năm tù là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Như vậy, đã có đủ căn cứ và cơ sở để xác định hành vi của bị cáo Trần Phước L đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Đối với hành vi của Đỗ Văn T được bị cáo Lộc cho 1.000.000đ, 01 điện thoại Oppo F1S, 01 đồng hồ đeo tay Rado; Lê Trọng N nhận cầm cố 01 máy tính xách tay hiệu Asus với giá 1.500.000đ do T đem đến; Đỗ Thị M nhận cầm của bị cáo Lộc 01 điện thoại Lenovo A536. Riêng người tên C, bị cáo khai đã cho 01 bóp da bên trong có thẻ ATM và một số giấy tờ cá nhân của bị hại T nhưng không có căn cứ xác định những người này có hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra – Công an thành phố L không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[2] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Lưu Nhật T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 12.850.000đ. Xét thấy, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, gây thiệt hại khi chưa đủ mười tám tuổi nhưng bị cáo không có tài sản riêng để bồi thường nên cần buộc ông Trần Quan D, bà Võ Kim Ngọc P (cha mẹ đẻ của bị cáo L) phải có trách nhiệm liên đới cùng bị cáo bồi thường theo yêu cầu của người bị hại là phù hợp với khoản 2 Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị hại Nguyễn Văn N đã nhận lại tiền sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm về dân sự nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đỗ Văn T đã hưởng lợi bất chính từ hành vi phạm tội của bị cáo nhưng T không biết tài sản trên do bị cáo phạm tội mà có. Tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện không buộc Tâm phải trả lại tài sản nên Hội đồng xét xử xét đến.

[3] Về nhân thân, tính chất mức độ của hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên nhưng bị cáo khoẻ mạnh, nhận thức được hành vi của bản thân. Lẽ ra, bị cáo phải tìm công việc phù hợp với lứa tuổi để tạo ra thu nhập, nuôi sống bản thân và sống có ích cho gia đình, xã hội nhưng ngược lại, bị cáo thích có tiền tiêu xài, mua ma túy để sử dụng mà không phải lao động cực nhọc. Bị cáo biết rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện bằng thủ đoạn lợi dụng sở hữ của người bị hại để chiếm đoạt tài sản, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tại phòng trọ nơi bị cáo xin bạn để ngủ nhờ, bất chấp mối quan hệ bạn bè trước đó để chiếm đoạt tài sản, điều này thể hiện sự liều lĩnh và xem thường pháp luật.

Xét về nhân thân, ngày 10/12/2013, bị cáo bị Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh 18 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, bị cáo đã chấp hành xong quyết định, không xem là có tiền sự nhưng thể hiện bị cáo có nhân thân không tốt. Do đó, cần xử

phạt nghiêm để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân biết tôn trọng pháp luật, đồng thời răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên có xem xét, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã ra đầu thú, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội chưa thành niên nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự nên được Hội đồng xét xử xem xét.

[4] Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý vật chứng của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Phước L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo L, ông Trần Quan D, bà Võ Kim Ngọc P phải có trách nhiệm liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Trần Phước L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 69; Điều 74; Điều 41 Bộ luật hình sự;

Điều 76; Điều 99; Điều 191 Bộ luật tố tụng hình sự;

Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Xử phạt: **Bị cáo Trần Phước L 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2017.

[2] Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Trần Phước L, ông Trần Quan D, bà Võ Kim Ngọc P liên đới trách nhiệm bồi thường cho anh Lưu Nhật T số tiền 12.850.000đ (mười hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

[3] Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho bị cáo: 01 áo thun tay dài màu xanh; 01 quần tây bằng vải dài màu xám; 01 cái kính gọng đen; 02 chìa khóa (Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 24/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L).

[4] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: bị cáo L, ông D, bà T phải có trách nhiệm liên đới nộp 642.000đ (sáu trăm bốn mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo; bị hại T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại N; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Đại diện bị hại;
- NCQL và NVLQ;
- THA TPLX;
- Nhà Tạm Giữ CA.TPLX;
- Sở tư pháp tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

Nguyễn Quốc Nam